



CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY
Trụ sở: Số 4 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3826867 Fax: 0225.3826838

Số: 14 /TB-HTLĐ

Hải Phòng, ngày 08 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP TRỰC TUYẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi Quý cổ đông,

Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố đang diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phải phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp và đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty cổ phần Hợp tác Lao động với nước ngoài (INLACO HAIPHONG) xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian:** 8h30' ngày 29 tháng 10 năm 2021
- 2. Hình thức tổ chức đại hội:** Đại hội trực tuyến (tất cả các cổ đông có thể tham gia Đại hội trực tuyến tại bất kỳ địa điểm nào có kết nối Internet).
- 3. Địa điểm điều hành Đại hội:** Số 138 Lê lai - P. Máy chai - Q. Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
- 4. Thành phần dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 17/08/2021.
- 5. Chương trình và tài liệu Đại hội:** Chi tiết nội dung, chương trình, tài liệu, hướng dẫn tham dự Đại hội được đăng tải tại website:
Ngoài ra cổ đông có thể xem và tải tài liệu họp tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>
Đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trước tài liệu của Đại hội.
- 6. Cách thức đăng ký và tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến**

Quý cổ đông vui lòng truy cập vào website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> để tham dự Đại hội trực tuyến bằng các thiết bị: máy tính cá nhân/máy tính xách tay/ máy tính bảng/điện thoại thông minh có kết nối Internet. Thông tin đăng nhập được về cho cổ đông bằng văn bản sẽ bao gồm:

- Tên đăng nhập (Username)
- Mật khẩu (Password)





CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY
Trụ sở: Số 4 – Nguyễn Trãi – Ngô Quyền – TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3826867 Fax: 0225.3826838

Quý cổ đông có thể truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> để thực hiện biểu quyết chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông từ 08h30 ngày 22/10/2021.

Đề nghị Quý cổ đông có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

7. Biểu quyết:

Quý cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn>

8. Ủy quyền tham dự Đại hội

Nếu Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng đăng ký ủy quyền dự Đại hội tại website: <https://ezgsm.fpts.com.vn> và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước 16h00 ngày 20/10/2021 để Công ty lưu giữ tài liệu theo quy định pháp luật và cung cấp thông tin đăng nhập cho người được ủy quyền tham dự Đại hội.

Địa chỉ gửi ủy quyền tham dự Đại hội, câu hỏi thảo luận và liên hệ hỗ trợ:

Địa chỉ liên hệ	Điện thoại
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI Văn phòng : Số 138 Lê Lai – Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng	ĐT: Ông Phạm Sĩ Tú : 0913 247 274 Ông Nguyễn Tuấn Đạt : 0912 200 199 Fax: 0225.3826838 Email : inlacohp@inlacohp.com.vn

Rất mong Quý cổ đông tham dự đầy đủ và đúng giờ để đảm bảo Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Trung Hà



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Phương thức tổ chức : ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Thủ tục khai mạc

1. Chào cờ, tuyên bố lý do Đại hội;
2. Báo cáo kết quả Đại hội biểu quyết thông qua : Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.
3. Báo cáo kết quả Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

II. Nội dung Đại hội

1. Khai mạc Đại hội và Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021;
2. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020 và Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
4. Báo cáo cơ cấu cổ đông và cổ đông tham dự Đại hội;
5. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
6. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và một số quy chế của Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính;
7. Tờ trình Phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
8. Đại hội thảo luận và biểu quyết qua các Báo cáo, Tờ trình;
9. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

III. Tổng kết Đại hội

1. Trình Đại hội dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội;
2. Xin ý kiến Đại hội thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội;
3. Tổng kết và bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021



GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

Kính gửi : **Hội đồng quản trị**
Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài

Tôi tên là :

CMND/CCCD/HC số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp :

Là cổ đông của công ty, hiện đang sở hữu : cổ phần

Người được ủy quyền tham dự Đại hội :

CMND/CCCD/HC số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp :

Số điện thoại (di động) liên lạc :

Hoặc tôi đồng ý ủy quyền cho một ông/bà có tên dưới đây (đánh dấu (x) vào ô người được ủy quyền).

- | | | |
|--------------------------|---------------------|----------------------|
| ☐ | Ông Lê Trung Hà | Chủ tịch HĐQT |
| ☐ | Ông Phạm Sĩ Tú | Phó chủ tịch HĐQT |
| ☐ | Ông Hoàng Linh Sơn | Ủy viên HĐQT |
| ☐ | Ông Vũ Ngọc Sinh | Ủy viên HĐQT |
| ☐ | Ông Nguyễn Văn Biên | Ủy viên HĐQT |
| ☐ | Ông Nguyễn Bá Hải | Ủy viên HĐQT |
| ☐ | Bà Trịnh Thị Nga | Ủy viên HĐQT |
| ☐ | Bà Nguyễn Thị Thu | Trưởng ban kiểm soát |

Là người đại diện thay mặt tôi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài, người được ủy quyền được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của một cổ đông Công ty theo số cổ phần đã ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xin vui lòng gửi giấy ủy quyền tham dự Đại hội trước 16h00 ngày 20/10/2021 qua số fax : 0225.3826838 hoặc Email: inlaco hp@inlaco hp.com.vn; hoặc Zalo : 0913247274 để công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho người được ủy quyền tham dự Đại hội.



CÔNG TY CP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY
Trụ sở: Số 4 – Nguyễn Trãi – Ngõ Quyền – TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3826867 Fax: 0225.3826838

HƯỚNG DẪN THAM DỰ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

CTCP HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI xin gửi tới các Quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Hướng dẫn đăng nhập, tham dự, biểu quyết và bầu cử trên Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử EzGSM được cung cấp bởi Công ty cổ phần Chứng khoán FPT như sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của CTCP Hợp tác với nước ngoài (ILC), quý cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.fpts.com.vn> và đăng nhập vào hệ thống theo thông tin đã được gửi trong Thông báo thay đổi hình thức và thời gian họp đã được gửi cho Quý cổ đông.

HOTLINE: 19006446



Để sử dụng giao diện tiếng Anh, quý cổ đông vui lòng nhấn vào biểu tượng  (biểu tượng góc trên cùng bên phải).

Trường hợp quên mật khẩu truy cập, cổ đông nhấn **“Quên mật khẩu”**, nhập Tên đăng nhập và địa chỉ email (Email đã đăng ký với ILC – trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu hoặc đã đăng ký tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký cổ phiếu ILC). Mật khẩu truy cập vào hệ thống sẽ được gửi đến cổ đông thông qua địa chỉ email hợp lệ. Trường hợp cổ đông chưa đăng ký địa chỉ email, vui lòng liên hệ trực tiếp đến Tổng công ty để được hỗ trợ lấy lại thông tin đăng nhập.



[Quay lại đăng nhập](#)

2. Đổi mật khẩu

CTCP Hợp tác Lao động với nước ngoài khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập, bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

[TRANG CHỦ](#) |
 [BIỂU QUYẾT - BẦU CỬ](#) |
 [ỦY QUYỀN](#) |
 [TÀI LIỆU ĐẠI HỘI](#) |
 [LIVESTREAM](#) |
 [LIÊN HỆ](#) |
 [ĐỔI MẬT KHẨU](#)



3. Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến

Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mở chính thức **từ 09h00 ngày 22/10/2021** cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc nội dung biểu quyết tại cuộc họp diễn ra vào ngày 29/10/2021.

Riêng phần biểu quyết lần 1 Đề nghị Quý cổ đông/ người được ủy quyền tiến hành biểu quyết trước ngày 27/10/2021.

Tại màn hình Trang chủ, cổ đông kiểm tra thông tin cá nhân được hiển thị và tình trạng Đại hội. Cổ đông thực hiện tích chọn **“Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến”** để tiến hành bỏ phiếu điện tử với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông.

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



a. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài có **03 (ba) lần biểu quyết** theo nội dung chương trình Đại hội đã được gửi đến Quý cổ đông và công bố trên website của Tổng Công ty, cụ thể:

Biểu quyết lần 01:

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 1				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 1				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	☐ Tán Thành	☐ Không tán thành	☐ Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu.	☐	☐	☐
Nội dung 02	Thông qua Quy chế làm việc đại hội.	☐	☐	☐

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

Biểu quyết lần 02:

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 2				
Số lượng cổ phiếu đại diện : 1				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	☐ Tán Thành	☐ Không tán thành	☐ Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
Nội dung 02	Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của công ty	☐	☐	☐
Nội dung 03	Thông qua Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán năm 2020	☐	☐	☐
Nội dung 04	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021	☐	☐	☐
Nội dung 05	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và một số quy chế của Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính	☐	☐	☐
Nội dung 06	Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát	☐	☐	☐

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

Biểu quyết lần 03:

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 3			
Số lượng cổ phiếu đại diện : 1			
Tiêu đề nội dung	Nội dung	☐ Tán Thành	☐ Không tán thành ☐ Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết đại hội	☐	☐ ☐
		BIỂU QUYẾT	
		[Hướng dẫn biểu quyết]	

[XUẤT FILE KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT BẦU CỬ](#)

Với các nội dung biểu quyết, Quý cổ đông tick chọn 1 trong 3 ô: **Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến**, sau đó Quý vị thực hiện nhấn “**Biểu quyết**”, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả biểu quyết.

Cổ đông đã biểu quyết các nội dung tại Đại hội, trước khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian biểu quyết của nội dung đó, có thể thay đổi kết quả biểu quyết bằng cách nhấn nút

THAY ĐỔI BIỂU QUYẾT

sau đó nhấn “**Biểu quyết**” để hệ thống ghi nhận kết quả biểu mới.

4. Ủy quyền

Cổ đông không tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc chương trình Đại hội. Cổ đông thực hiện thao tác ủy quyền trực tuyến bằng cách tích chọn như sau:

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



ỦY QUYỀN DỰ ĐẠI HỘI			
BÊN ỦY QUYỀN			
Mã Đại biểu:	TVN.000020	Số cổ phần sở hữu:	27.750
Số ĐKNSH:	011645880	Số cổ phần đã ủy quyền:	0
Quốc tịch:	Viet Nam	Số cổ phần nhận UQ:	0
Họ và tên:	TRẦN VĂN B	Số cổ phần còn lại:	27.750
Địa chỉ:	Số 66 ngõ 218 Tây Sơn - Hà Nội		

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN	
Ủy quyền cho:	☐ Thành viên HĐQT hoặc BKS ☐ Cổ đông khác ☐ Người nhận ủy quyền khác
Mã Đại biểu:	Số cổ phần nhận UQ:
Số ĐKNSH:	
Quốc tịch:	
Họ và tên:	
Địa chỉ:	

ỦY QUYỀN

LÀM LẠI

Cổ đông lựa chọn ủy quyền cho Thành viên HĐQT/BKS (theo danh sách sẵn có), cho cổ đông hoặc người nhận ủy quyền khác bằng cách tích chọn vào ô trống trước các lựa chọn này. Cổ đông điền số lượng cổ phần ủy quyền, sau đó nhấn **ỦY QUYỀN** để ghi nhận ủy quyền trên hệ thống. Hệ thống sẽ tự động gửi thông báo cho cổ đông như sau:



Kính mời Quý cổ đông in và gửi bản cứng về tổ chức phát hành trước ngày được quy định tại Thư mời họp



Sau khi thực hiện thao tác nêu trên, ủy quyền của cổ đông ở trạng thái “Chưa phê duyệt”. Quý cổ đông có thể Hủy ủy quyền hoặc tiến hành in Giấy ủy quyền và gửi bản cứng về địa chỉ liên hệ của ILC theo quy định tại Thông báo mời họp.

STT	Ngày UQ	Người nhận UQ	Người UQ	Số lượng UQ	Người tạo UQ	Trạng thái	Hành động
1	28/05/2021 3:06:26 CH	VŨ BÀ KHÁNH	TRẦN VĂN B	27.750	TVN.000020	Chưa phê duyệt	 

Sau khi nhận được Giấy ủy quyền hợp lệ của cổ đông, ILC sẽ tiến hành phê duyệt ủy quyền và chính thức ghi nhận số lượng cổ phần ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền. Cổ đông đã ủy quyền vẫn có thể truy cập hệ thống nhưng không có quyền biểu quyết – bầu cử trực tuyến.

5. Thảo luận



Cổ đông vui lòng gửi câu hỏi thảo luận tại chat box phía dưới cùng, bên phải giao diện của cổ đông kể từ 08h00 ngày 28/06/2021 đến khi Đại hội kết thúc phần thảo luận.

6. Các tính năng khác:

- **Tính năng livestream:** Trong ngày tổ chức Đại hội, cổ đông có thể thực hiện việc theo dõi diễn biến và tiến trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- **Tài liệu đại hội:** Tất cả các tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải tại mục Tài liệu Đại hội trên hệ thống EzGSM. Cổ đông nhấn vào từng tài liệu để xem và tải tài liệu.
- **Liên hệ:** Mọi ý kiến thắc mắc hoặc câu hỏi chất vấn của Quý vị cổ đông xin vui lòng gửi tới Ban tổ chức theo thông tin tại tab này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO
ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**



INLACO HAIPHONG

**DANH SÁCH CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN TRỰC TUYẾN NĂM 2021
(Ngày 29 tháng 10 năm 2021)**

Lần 1:

1. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu.
2. Thông qua Quy chế làm việc Đại hội.

Lần 2:

1. Thông qua Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị ;
2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của công ty;
3. Thông qua Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán năm 2020;
4. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
5. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ *(Trong đó có bổ sung ngành nghề kinh doanh và đăng ký lại ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật)* và một số quy chế của Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính;
6. Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

Lần 3:

Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết đại hội





CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác Lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /BC-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

Phần I

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Về nhân sự

Hội đồng quản trị công ty khóa VI (nhiệm kỳ 2020 – 2025) gồm 7 thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty, bầu ngày 18/6/2020 gồm :

- | | |
|------------------------|--|
| 1. Ông Lê Trung Hà | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Phạm Sĩ Tú | Phó chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Hoàng Linh Sơn | Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty |
| 4. Ông Nguyễn Văn Biên | Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Công ty |
| 5. Ông Vũ Ngọc Sinh | Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Nguyễn Bá Hải | Thành viên HĐQT |
| 7. Bà Trịnh Thị Nga | Thành viên HĐQT |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên để chỉ đạo và quản trị công ty với mục đích thực hiện một cách tốt nhất các nội dung đã được Đại hội cổ đông thường niên quyết nghị thông qua. Cụ thể như sau :

- Hàng quý, định kỳ Hội đồng quản trị công ty đều tổ chức họp định kỳ, để sơ kết tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý và đề ra kế hoạch sản xuất



kinh doanh quý tiếp theo để Ban điều hành công ty thực hiện, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quý

- Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các kỳ họp
- Nội dung các kỳ họp đều được ghi chép đầy đủ vào Sổ Nghị quyết của công ty, các vấn đề quan trọng đều được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị và được công bố thông tin đến các nhà đầu tư theo quy định.
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành đã thực hiện tương đối tốt vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Mức chi trả thù lao cho 07 thành viên Hội đồng quản trị và 03 thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 :

- Tổng mức được chi trả : 569,76 triệu đồng
- Số tiền đã trả thù lao : 411,00 triệu đồng bằng 72,13%

II – Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020

1. Mục tiêu

Với mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ đã được xác định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: **Kinh doanh có lãi – Vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng – Đảm bảo được việc làm, đời sống của người lao động và Lợi ích của cổ đông, với độ tăng trưởng hàng năm từ 5 – 10%.**

Năm 2020 là năm rất khó khăn của ngành vận tải biển do những ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, cước vận chuyển thấp, hàng hóa khan hiếm, việc thay thế thuyền viên hết sức khó khăn, nguồn thuyền viên khan hiếm, . Trước những thách thức đó, Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo sát sao hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định, tiếp tục thực hiện 03 nhiệm vụ để thực hiện được mục tiêu nói trên:

- a). Thực hiện việc tái cơ cấu lại tài sản của công ty để cắt lỗ , giảm áp lực về tài chính và đảm bảo dòng tiền phục vụ các nhu cầu của kinh doanh.
- b). Phát triển và tìm kiếm thị trường để tăng doanh thu, hiệu quả kinh doanh và ổn định việc làm cho người lao động.
- c). Thực hiện tái cơ cấu tổ chức để giảm chi phí quản lý của Công ty và tăng hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Qua đó, đảm bảo duy trì sản xuất ổn định, việc làm và đời sống của người lao động.



2. Kết quả cụ thể như sau :

- a). Đã đàm phán với Ngân hàng Hàng hải Việt Nam bàn giao lại tàu VTB Brave từ tháng 07/2020 để cắt lỗ khai thác kinh doanh tàu và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng về tài chính giữa Công ty và Ngân hàng.
- b). Trong năm 2020 đã cho thuê thuyền viên tăng thêm được 03 thuyền bộ, trong đó chủ tàu trong nước thuê 02 thuyền bộ cùng với việc thuê công ty làm dịch vụ quản lý tàu cho họ và 01 thuyền bộ cho chủ tàu nước ngoài thuê.
- c). Đã tiến hành xong về cơ bản tái cơ cấu tổ chức, hoàn thiện tinh gọn bộ máy nhân sự của công ty, giải tán Chi nhánh của công ty tại TP. Hà Nội, động viên những cán bộ nhân viên công ty dư thừa nghỉ việc sau tái cơ cấu và giải quyết các chế độ theo đúng quy định của pháp luật cho người lao động nghỉ việc.
- d). Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, sự năng động cố gắng của Ban điều hành, sự đoàn kết nhất trí của tập thể người lao động, sự hợp tác và chia sẻ khó khăn của của lực lượng sĩ quan thuyền viên, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty, nên hoạt động kinh doanh của công ty vẫn ổn định và có sự tăng trưởng, các chỉ tiêu của kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã đạt và vượt kế hoạch Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 quyết nghị, với kết quả đạt được như sau :

Tổng doanh thu đạt 113,95 tỷ đồng bằng 119,95% so với kế hoạch năm 2020, trong đó Doanh thu của Dịch vụ cốt lõi hiện nay của Công ty – Dịch vụ cho thuê thuyền viên đạt : 108,76 tỷ đồng bằng 119,64% so với kế hoạch năm 2020 và tăng 27,37% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế đạt 9,24 tỷ đồng , trong đó :

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh : 4,7 tỷ đồng tăng 83,24% so với thực hiện năm 2019.
- Lợi nhuận khác : 4,54 tỷ đồng.

(HĐQT trình Đại hội cổ đông, kết quả kinh doanh : cân bằng thu chi và Đại hội đồng cổ đông đã bỏ phiếu thông qua chỉ tiêu này).

Như vậy, năm 2020, Công ty đã thực hiện hoàn thành 3 nhiệm vụ đã đề ra ở trên , tạo tiền đề để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 quyết nghị thông qua.

III. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, trong bối cảnh có nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 và nguồn cung Sĩ quan thuyền viên có hạn, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác đã rất cố gắng để thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh, áp dụng nhiều biện pháp tích cực, chủ động trong hoạt



động tuyển dụng đào tạo, tạo nguồn sĩ quan thuyền viên bố trí điều động, thay thế thuyền viên và cung ứng thuyền viên cho các hợp đồng mới.

- Giám đốc và Ban điều hành cùng với các phòng nghiệp vụ đã triển khai thực hiện đúng, đủ và kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh.

Phần II

Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Những thuận lợi và khó khăn

a./ Thuận lợi :

- Không chịu áp lực về chi phí tài chính cũng như sự biến động của tỷ giá trong kinh doanh, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được ổn định và đã có sự tăng trưởng.

- Các thị trường truyền thống về cho thuê thuyền viên trong nước và nước ngoài ổn định.

b/ Khó khăn

- Lực lượng sĩ quan thuyền viên, nguồn nhân lực chủ yếu của công ty vẫn còn thiếu lao động có chất lượng cao, tâm huyết với nghề, đặc biệt trong điều kiện hiện nay các nguồn cung lao động hàng hải có chất lượng rất thiếu do sự thiếu hụt trong việc đào tạo của các trường trong ngành hàng hải và có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt.

- Ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam và các nước gây ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các hợp đồng cung cấp thuyền viên cho các chủ tàu trong và ngoài nước.

2. Chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

a/- Tổng doanh thu : 135,00 tỷ đồng

- Dịch vụ hàng hải : 3,00 tỷ đồng
- Cho thuê thuyền viên : 131,50 tỷ đồng
- Cho thuê văn phòng : 0,50 tỷ đồng

b/- Chi phí tiền lương : 6,00% Doanh thu kinh doanh

Trong đó :

- 5,50% trả cho người lao động
- 0,50% trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty nếu hoàn thành được chỉ tiêu về lợi nhuận.

c/- Chỉ tiêu về lợi nhuận : 9,50 tỷ đồng

d/- Cổ tức : không chia cổ tức



3. Các giải pháp

a/ Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của công ty được triển khai trong bối cảnh đan xen những thuận lợi và khó khăn như đã trình bày ở trên. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được trong năm 2020 cùng với phân tích đầy đủ các yếu tố thuận lợi, khó khăn ở trong và ngoài nước, Hội đồng quản trị công ty sẽ thực hiện và chỉ đạo Ban điều hành triển khai một số giải pháp chính sau để thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2021.

Theo đó, với mục tiêu tổng quát của năm 2021 là : **Kinh doanh có lãi – vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng, đảm bảo được việc làm - đời sống của người lao động và lợi ích của cổ đông.**, trong đó tập trung vào một số giải pháp sau :

- Khai thác các tiềm năng sẵn có của Công ty một cách có hiệu quả, trong đó trọng tâm vào việc khai thác khả năng chuyên môn của đội ngũ người lao động để tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Giữ vững mối quan hệ với các bạn hàng truyền thống, đẩy mạnh các hoạt động khai thác thị trường nhằm tạo việc làm cho người lao động và tăng các nguồn thu nhập của Công ty;
- Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo và có những chính sách thích hợp đối với thuyền viên để duy trì và tăng số lượng thuyền viên đáp ứng được nhu cầu của các chủ tàu trong và ngoài nước;
- Tăng cường khâu quản lý và tiết kiệm các chi phí của bộ máy văn phòng công ty và chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh;
- Có chính sách đãi ngộ thích hợp để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là các sĩ quan thuyền viên có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và có kinh nghiệm đã làm việc trên các tàu của chủ tàu nước ngoài.

Thực hiện việc trả lương và thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả làm việc và theo cơ chế thị trường.

b) Về việc xây dựng các văn bản để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tại Công ty

Rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định phù hợp với các quy định mới của pháp luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021



Kính thưa Đại hội !

Bước năm 2021, với nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, chúng tôi, những thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V, sẽ tiếp tục nỗ lực hết sức mình trong việc quản trị doanh nghiệp, để đạt được những chỉ tiêu Đại hội đã thông qua.

Cuối cùng, tập thể Hội đồng quản trị xin chân thành cảm ơn sự đồng hành, chia sẻ của các Quý vị cổ đông và mong muốn được các cổ đông tiếp tục đóng góp nhiều ý kiến xây dựng nhằm đưa Công ty vượt qua khó khăn, hướng tới một tương lai phát triển ổn định và bền vững.

Kính chúc các cổ đông sức khỏe và hạnh phúc

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Nơi nhận :

- Như trên
- BKS Công ty
- Lưu HC, HĐQT

Lê Trung Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác Lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /BC-HTLD

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Phần 1 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Đặc điểm tình hình chung

Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO-HP) thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh nền kinh tế thế giới chịu nhiều tác động của đại dịch Covid-19. Với đặc thù riêng của ngành vận tải biển, thuyền viên là đối tượng chịu ảnh hưởng rất lớn của dịch bệnh.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh Inlaco-HP năm 2020

Diễn giải	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện năm 2019	%TH/KH	% so với cùng kỳ
Doanh thu SXKD	95.000.000.000	113.953.079.876	133.083.470.822	119,95%	85,63%
- Vận tải	3.000.000.000	3.194.845.325	45.443.059.827	106,49%	7,03%
- Dịch vụ hàng hải	700.000.000	1.550.230.323	1.712.136.876	221,46%	90,54%
- Cho thuê lao động	90.900.000.000	108.755.388.633	85.383.192.071	119,64%	127,37%
+ Trong nước	10.800.000.000	22.107.215.114	13.235.430.631	204,70%	167,03%
+ Nước ngoài	80.100.000.000	86.648.173.519	72.147.761.440	108,17%	120,10%
- Cho thuê VP	400.000.000	452.615.595	545.082.048	113,15%	83,04%
Tổng lợi nhuận	-	9.237.499.251	2.863.742.785		322,57%

Tổng doanh thu: 113.953.079.876 đ đạt 119,95% kế hoạch năm 2020, giảm 14,37% so với thực hiện năm 2019, trong đó doanh thu từ vận tải biển: 3.194.845.325 đ, doanh thu dịch vụ hàng hải: 1.550.230.323 đ, doanh thu cho thuê lao động: 108.755.388.633 đ, doanh thu cho thuê văn phòng: 452.615.595 đ.

Các chỉ tiêu khác:

- Số lao động năm 2020: 450 người, đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đơn giá tiền lương năm 2020: 6,73% tổng doanh thu;
- Nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

3. Đánh giá kết quả thực hiện**3.1. Về hoạt động kinh doanh**

Vận tải biển: Đứng trước tình hình khó khăn của thị trường vận tải biển, dưới tác động của dịch Covid-19, giá cước vận tải biển liên tục đi xuống, ngày 06/03/2020 Công ty đã quyết định cho tàu VTB Brave chạy ballast về cảng Khánh Hội, TP Hồ Chí Minh chờ bàn giao, trả lại tàu cho Công ty cổ phần Container phía Nam – đơn vị quản lý tàu của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam. Do thời gian chờ đợi bàn giao tàu kéo dài, tàu lại chịu cách ly, chi phí tăng cao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty trong năm 2021. Trong các tháng cuối năm, Công ty tạm dừng mảng khai thác tàu do hoạt động không hiệu quả.

Công tác tuyển dụng đào tạo:

Trước tình hình thị trường lao động đang rất khó khăn về đầu vào, Công ty vận dụng nhiều chính sách linh hoạt trong quá trình tuyển dụng. Đồng thời, tăng cường đào tạo lý thuyết và các bộ luật ISM Code, ISPS code và MLC tại Công ty trước khi nhập tàu, chú trọng đào tạo thực hành tại các tàu. Cử các sĩ quan thuyền viên tham gia các chương trình đào tạo nâng cao chuyên sâu về chuyên môn, ngoại ngữ chuyên ngành, VSUP, đào tạo sĩ quan vận hành, sĩ quan quản lý, sĩ quan an ninh tàu, đào tạo thủy thủ trưởng và thợ cả tàu biển.

Thị trường lao động:

Công ty tiếp tục duy trì ổn định thị trường cho thuê thuyền viên trong nước và nước ngoài với các chủ tàu truyền thống. Doanh thu cho thuê thuyền viên tăng trưởng, mang lại hiệu quả kinh tế tốt, tạo việc làm ổn định cho người lao động. Thuyền viên làm việc cho các chủ tàu được đánh giá tương đối tốt.



Dịch vụ hàng hải:

Trong năm 2020 Công ty thực hiện công tác quản lý 04 tàu của Công ty TNHH Hào Hưng. Công việc mang lại doanh thu ổn định hàng tháng, tạo thêm việc làm cho CBCNV.

Hoạt động khác:

Giải quyết tổn động sự cố tàu VTB Brave:

Trong năm 2020, Công ty đã tập trung giải quyết dứt điểm các vụ tổn động phát sinh do sự cố tàu VTB Brave trong quá trình khai thác. Tổng số ghi nhận thu nhập từ tiền bồi thường của Công ty bảo hiểm trong năm 2020 là: 2.986.519.161 đ.

Giải quyết dư nợ vay gốc và lãi với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB):

Sau quá trình đàm phán kéo dài, Công ty đã hoàn thành việc bù trừ số dư nợ gốc tiền vay với toàn bộ các khoản ứng trước để sửa chữa và bàn giao 02 tàu Inlaco Brave và ILC Union cho MSB. MSB đã có văn bản đồng ý miễn giảm toàn bộ số dư nợ lãi và lãi phạt đã phát sinh từ tháng 02/2017 và dừng tính lãi số dư nợ gốc còn lại của Công ty tại Ngân hàng TMCP Hàng hải. Đối với dư nợ gốc còn lại: 267.756,90 USD, MSB sẽ xem xét xóa nợ dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.

Giải thể Chi nhánh Hà Nội:

Thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty đã tiến hành giải thể Chi nhánh Hà Nội do hoạt động không hiệu quả.

Thanh lý tài sản:

Với mục đích tiết kiệm chi phí quản lý, Công ty đã tiến hành thanh lý 02 xe ô tô.

3.2. Công tác quản lý

- Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ về tổ chức, hoạt động của Công ty. Triển khai đúng, nhanh định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, tái cơ cấu nhân sự đảm bảo phục vụ yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc giải quyết chế độ cho người lao động được đảm bảo, không có đơn thư khiếu nại.

3.3. Công tác công đoàn và phong trào công ty

Công ty luôn tham gia sôi nổi các hoạt động phong trào do ngành và địa phương phát động. Công đoàn Công ty đẩy mạnh hoạt động văn thể sôi nổi tại văn phòng cũng như các tàu để thúc đẩy các mặt SXKD chung toàn công ty.



Phần II PHƯƠNG HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

1. **Tổng doanh thu** : 135.000.000.000 đ, trong đó :
 - Dịch vụ hàng hải : 3.000.000.000 đ
 - Cho thuê lao động : 131.500.000.000 đ (Bao gồm thu tiền lương do người thuê lao động trả), trong đó :
 - Cho thuê trong nước : 42.000.000.000đ
 - Cho thuê nước ngoài : 89.500.000.000đ
 - Cho thuê văn phòng : 500.000.000 đ
2. **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** 9.500.000.000 đ
3. **Đơn giá tiền lương:** 6,0% tổng doanh thu
Trong đó: 0,5% tổng doanh thu để trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

II. Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2021

Công ty tập trung vào các giải pháp trong công tác điều hành như sau:

1. Giải pháp về phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dịch vụ hàng hải: Thực hiện tốt công tác quản lý tàu cho khách hàng hiện tại, tạo uy tín trên thị trường và mối quan hệ tốt với khách hàng. Phối hợp tốt với đối tác trong quá trình tàu hoạt động, cập nhật thường xuyên liên tục tình trạng kỹ thuật các tàu quản lý. Bộ phận kỹ thuật và thuyền viên cùng phối hợp làm việc, đưa các giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý tàu. Tìm kiếm thêm các đối tác có nhu cầu thuê quản lý tàu, kết hợp quản lý tàu và cho thuê thuyền viên, tăng số lượng tàu quản lý kỹ thuật.

Cho thuê thuyền viên: Tăng cường số lượng thuyền bộ cho thuê trong nước và nước ngoài. Giữ vững khách hàng cho thuê thuyền viên truyền thống. Mở rộng hoạt động cho thuê thuyền viên trong nước với một số đối tác có uy tín. Quan hệ tốt với đối tác Nhật-Hàn, tranh thủ cơ hội để có thể được giao thêm tàu trong tương lai. Tìm kiếm thêm các đối tác mới cho thị trường nước ngoài có tiềm năng, ổn định về kinh tế.

Tuyển dụng đào tạo: Đào tạo nâng cao trình độ quản lý và vận hành tàu của các sỹ quan thuyền viên. Phối hợp với các địa phương và các trường để lấy đầu vào cho thuyền viên làm thuê. Có chính sách tuyển dụng linh hoạt. Làm việc với các trường để tuyển dụng các sinh viên, học sinh vừa tốt nghiệp phù hợp với công việc đi biển; Cử thuyền viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ. Thường xuyên tổ chức các lớp học anh ngữ, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn, định hướng nâng cao tinh thần, ý thức kỷ luật, trách nhiệm với công việc. Sàng lọc những thuyền viên có đủ điều kiện tiêu chuẩn phục vụ cho hoạt động xuất khẩu lao động. Bố trí các chức danh đảm bảo khai thác tàu an



toàn, hiệu quả. Triển khai và tăng cường kiểm tra đánh giá thuyền viên làm việc cho đội tàu của Công ty, thuyền viên đi làm thuê về bộ luật ISM Code và bộ luật ISPS.

Cho thuê văn phòng: Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng tại trụ sở số 4 Nguyễn Trãi. Hỗ trợ, định hướng để Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ Inlaco hoàn thành việc xây dựng trụ sở 138 Lê Lai phục vụ hoạt động cho thuê văn phòng.

2. Công tác quản lý:

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, tạo môi trường làm việc tốt, gia tăng phúc lợi để thu hút nguồn nhân sự có chất lượng. Phát huy tinh thần trách nhiệm với công việc, xây dựng cơ chế trả lương, thưởng dựa trên năng lực và năng suất lao động của cán bộ công nhân viên văn phòng. Bố trí, phân công hợp lý công việc của bộ máy văn phòng.

- Hoàn thiện các quy trình, quy chế: Hoàn thiện các quy trình để phục vụ công tác vận hành hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh Công ty qua website.

Nhân dịp này Công ty Cổ Phần Hợp tác lao động với nước ngoài xin bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước, các trường, trung tâm đào tạo, các đối tác bạn hàng trong và ngoài nước, sự ủng hộ và tin tưởng của các cổ đông để Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ, bền vững hơn.

Kính chúc các quý vị đại biểu, các nhà đầu tư và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc, an khang và thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty

Nơi nhận :

- Như trên
- BĐH, BKS Cty
- Lưu HC

Hoàng Linh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /BC-BKS

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông CTy CP Hợp tác lao động với nước ngoài

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài.
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA; tình hình hoạt động, báo cáo và hồ sơ của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài trong năm tài chính 2020.

Tôi xin thay mặt Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài báo cáo trước Đại hội các nội dung như sau :

PHẦN I : HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ VI (2020 – 2025) gồm 3 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2020 bầu 18/06/2020, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát định kỳ hàng tháng, hàng quý, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên nghiên cứu các tài liệu, kiểm tra từng vấn đề cụ thể, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với tinh thần khách quan, dân chủ vì mục tiêu phát triển của Công ty.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban kiểm soát đều hoạt động không chuyên trách. và được hưởng thù lao trong mức quy định đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua.

PHẦN II: KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**1. Thăm định báo cáo tài chính****1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020**

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục và tạo ra lợi nhuận một cách tốt nhất có thể. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 của Công ty là 9,237,499,251 đồng, lỗ lũy kế là 93,091,130,955 đồng, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 102,328,630,206 đồng). Như vậy qua 1 năm hoạt động số lỗ của công ty đã giảm 9,237,499,251 đồng. Các giải pháp mà Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện gồm:

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi gián tiếp,...;
- Điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của lãnh đạo, nhân viên, thuyền viên, và các bộ phận có liên quan;
- Tháng 3 năm 2020, Công ty đã thực hiện trả lại tàu VTB Brave cho ngân hàng, tạm dừng hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải do gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm đối tác trong khi chi phí để vận hành hoạt động này rất cao (khấu hao tàu, sửa chữa tàu và lãi vay lớn);
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán với ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam để được xóa nợ vay theo quy định của pháp luật.

Với sự chỉ đạo sát sao, đúng đắn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cùng với đó là sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực khắc phục khó khăn của cán bộ nhân viên trong toàn Công ty, kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với kết quả cụ thể như sau :

a. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 :

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (TH/KH)%
A	Doanh thu từ HĐSXKD	95,000,000,000	113,953,079,876	119.95
1	Vận tải + Dịch vụ hàng hải	3,700,000,000	4,745,075,648	128.25
a	+ <i>Vận tải</i>	3,000,000,000	3,194,845,325	106.49
b	+ <i>Dịch vụ hàng hải</i>	700,000,000	1,550,230,323	221.46



2	Cho thuê lao động	90,900,000,000	108,755,388,633	119.64
a	+ Trong nước	10,800,000,000	22,107,215,114	204.70
b	+ Nước ngoài	80,100,000,000	86,648,173,519	108.17
3	Cho thuê văn phòng	400,000,000	452,615,595	113.15
B	Lãi (Lỗ)	-	9,237,499,251	

b. So sánh các chỉ tiêu cơ bản năm 2020 với năm 2019 :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng /giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng	113,953,079,876	63,699,143,368	50,253,936,508	78.89
2	Giá vốn	104,829,122,656	52,712,079,048	52,117,043,608	98.87
3	Lợi nhuận gộp	9,123,957,220	10,987,064,320	(1,863,107,100)	(16.96)
4	Doanh thu tài chính	464,401,804	558,016,415	(93,614,611)	(16.78)
5	Chi phí tài chính	(3,101,991,904)	(1,548,312)	(3,100,443,592)	
6	Chi phí quản lý DN	7,992,451,159	8,982,876,598	(990,425,439)	(11.03)
7	LN thuần từ HĐKD	4,697,899,769	2,563,752,449	2,134,147,320	83.24
8	Lợi nhuận khác	4,539,599,482	299,990,336	4,239,609,146	1,413.25
9	Tổng LN trước thuế	9,237,499,251	2,863,742,785	6,373,756,466	222.57

1.2. Tình hình tài chính 2020

a. Biến động tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng /giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tài sản ngắn hạn	22,309,693,354	32,697,466,600	(10,387,773,246)	(31.77)
2	Tài sản dài hạn	17,590,412,486	22,077,965,524	(4,487,553,038)	(20.33)
3	Tổng tài sản	39,900,105,840	54,775,432,124	(14,875,326,284)	(27.16)



b. Biến động nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng /giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Nợ phải trả	25,503,854,416	49,616,679,951	(24,112,825,535)	(48.60)
2	Vốn chủ sở hữu	14,396,251,424	5,158,752,173	9,237,499,251	179.06
3	Tổng nguồn vốn	39,900,105,840	54,775,432,124	(14,875,326,284)	(27.16)

c. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Chỉ số về khả năng thanh toán		
	Chỉ số thanh toán hiện hành (TSNH/ Nợ ngắn hạn)	1.18	0.28
	Chỉ số thanh toán nhanh ((TSNH-HTK)/ Nợ ngắn hạn)	1.17	0.85
2	Chỉ số về đòn bẩy tài chính		
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1.77	9.62
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0.36	0.09
3	Chỉ số về khả năng sinh lời, hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8.11%	4.50%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	23.15%	5.23%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	64.17%	55.51%

d. Đánh giá tình hình tài chính năm 2020

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã ký hợp đồng thuê Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA kiểm toán BCTC năm 2020, kiểm toán viên độc lập cũng đưa ra ý kiến và Ban kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến :

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Qua kiểm tra báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm : bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính, Ban kiểm soát nhận thấy các báo cáo này được lập một cách trung thực và hợp lý, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam , phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty.

Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã lãnh đạo, quản lý Công ty hoàn tất vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đó là cả một sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu rất đáng được ghi nhận

Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT - Ban điều hành Công ty

Qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị - Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực và chủ động khắc phục những khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được đề ra trong năm 2020. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ các quy định của Pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển tình hình kinh doanh của Công ty. Ban điều hành Công ty thường xuyên đôn đốc, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được đề ra một cách hiệu quả nhất. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị - Ban điều hành Công ty đã ban hành các quyết định đúng đắn, bám sát với tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính dân chủ và thống nhất cao. Việc triển khai, thực hiện các quyết định, quy định, quy chế của Hội đồng quản trị - Ban điều hành Công ty đều nghiêm túc và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

PHẦN III : PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Kiểm tra , giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động và quyền lợi của cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng, nhất quán của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Kiểm tra , thẩm định báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.



- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ

2. Các kiến nghị của Ban kiểm soát

Thông qua việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020, Ban kiểm soát có các kiến nghị như sau :

- Theo đánh giá của các chuyên gia y tế thì dịch bệnh Covid-19 vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Vì vậy nhiệm vụ đầu tiên của Công ty vẫn là cần giữ vững những khách hàng và thị trường truyền thống, duy trì doanh thu lợi nhuận đã đạt được như năm 2020.

- Hiện tại sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành ngày càng khốc liệt hơn, thị trường tìm kiếm thuyền viên đang rất khan hiếm và khó giữ chân được nhân viên. Vì vậy, Công ty cần chú trọng đến các chính sách thu hút thuyền viên và nghiên cứu các chế độ đãi ngộ để người lao động có thể gắn bó, duy trì nguồn nhân lực lâu dài cho Công ty.

- Song song với việc duy trì doanh thu, lợi nhuận như năm 2020 thì Công ty cần có chiến lược phát triển, tìm kiếm thêm khách hàng và thị trường mới, kinh doanh hiệu quả để tạo được những giá trị kinh tế cao hơn nữa.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, Ban điều hành Công ty
- Ban kiểm soát
- Lưu HC

Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /TTr-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH **Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông CTy cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA.

Chi tiết về Công ty Kiểm toán như sau :

- ❖ Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Center Building – Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội
- ❖ Tel : (024) 6664.2777 ; Fax : (0244) 6664.3777
- ❖ Email : contact@icpa.vn

Công ty được thành lập năm 2001, là thành viên của Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International và là Công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận cho thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán từ năm 2007.

Thực hiện việc soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020 của công ty mẹ Inlaco-HP và công ty con Inlavesco.

Giao ông Giám đốc công ty triển khai thực hiện việc kiểm toán thống nhất trong công ty và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn, sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT
- Lưu HC, BKS

NGUYỄN THỊ THU'



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và một số quy chế của Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ nội dung Điều lệ mẫu, các mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty, mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Để hoạt động của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài tuân thủ và phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật mới về doanh nghiệp, về lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến thông qua các nội dung sau :

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

Điều lệ hiện tại của Công ty gồm 22 Chương, 61 Điều, sau khi sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp luật có liên quan, dự thảo Điều lệ mới gồm 23 Chương , 64 Điều, trong đó có một nội dung mới được đưa Điều lệ quy định việc Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Chi tiết xem tại dự thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được gửi kèm theo tờ trình này.



2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện tại có 8 Chương, 27 Điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung trên cơ sở mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính, dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có 8 Chương và 75 Điều, số điều tăng lên đáng kể chủ yếu đến từ việc quy định rõ hơn việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với họp trực tuyến.

Ngoài ra còn có một số sửa đổi khác cho phù hợp với Quy chế mẫu và dự thảo Điều lệ mới của Công ty.

Chi tiết xem tại dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được gửi kèm tờ trình này.

3. Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng quản trị

Toàn bộ nội dung của Quy chế gồm 8 chương và 26 điều, được xây dựng theo yêu cầu về quản trị công ty đại chúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và tuân thủ theo các yêu cầu của Quy chế mẫu được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Dự thảo Điều lệ của Công ty

Chi tiết xem tại dự thảo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT Công ty được gửi kèm tờ trình này.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phê duyệt:

- 1) Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty; Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi; Dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT kèm theo tờ trình này.
- 2) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung dự thảo Điều lệ Công ty và các Quy chế theo ý kiến đóng góp của cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội và thực hiện các thủ tục cần thiết, ban hành Điều lệ, và các Quy chế với các nội dung sửa đổi nêu trên.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu HĐQT, HC



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
INLACO – HẢI PHÒNG
(Sửa đổi lần thứ 6)

Hải Phòng, tháng năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.		5
Chương I	ĐỊNH NGHĨA, CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1	Giải thích thuật ngữ	7
Chương II	TÊN, HÌNH THỨC,TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬTCỦA CÔNG TY	7
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của công ty	7
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của công ty	8
Chương III	MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 4	Mục tiêu hoạt động của công ty.....	9
Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	10
Chương IV	VỐN ĐIỀU LỆ,CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
Điều 6	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	10
Điều 7	Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	11
Điều 9	Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Chương V	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 10	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
Chương VI	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	12
Điều 11	Quyền của cổ đông	12
Điều 12	Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 13	Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 15	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16	Thay đổi các quyền	17
Điều 17	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	20
Điều 20	Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua	22
Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22



Điều 22	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Chương VII	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 24	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 25	Thành phần và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 27	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 28	Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	29
Điều 30	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 31	Người phụ trách quản trị công ty	31
Chương VIII	GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 32	Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 33	Người điều hành công ty	32
Điều 34	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành.....	32
Điều 35	Thư ký công ty.....	33
Chương IX	BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 36	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 37	Thành phần Ban kiểm soát	34
Điều 38	Trưởng ban kiểm soát	35
Điều 39	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	35
Điều 40	Cuộc họp của Ban kiểm soát	36
Điều 41	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	36
Chương X	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	36
Điều 42	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 43	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
Chương XI	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 44	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	38
Chương XII	TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	39
Điều 45	Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội.....	39
Điều 46	Công nhân viên và công đoàn.....	39



Chương XIII	QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	39
Điều 47	Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác	39
Điều 48	Quan hệ giữa Công ty với công ty con	40
Điều 49	Quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết	40
Chương XIV	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 50	Phân phối lợi nhuận	40
Điều 51	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	41
Chương XV	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH HỆ THỐNG KẾ TOÁN	41
Điều 52	Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 53	Năm tài chính.....	41
Điều 54	Chế độ kế toán	41
Chương XVI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	42
Điều 55	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	42
Điều 56	Báo cáo thường niên	42
Chương XVII	KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 57	Kiểm toán.....	42
Chương XVIII	DẤU CỦA CÔNG TY	43
Điều 58	Dấu của công ty	43
Chương XIX	GIẢI THỂ CÔNG TY	43
Điều 59	Giải thể công ty	43
Điều 60	Gia hạn hoạt động	43
Điều 61	Thanh lý	43
Chương XX	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 62	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	44
Chương XXI	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
Điều 63	Điều lệ công ty.....	45
Chương XXII	NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 64	Ngày hiệu lực.....	45
Phụ lục I	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI THỜI ĐIỂM SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Quyết định số 77/1999/QĐ- BGTVT ngày 07/01/1999 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO – HP), doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Các văn bản pháp luật có liên quan.

Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, được tổ chức ngày tháng năm 2021 nhất trí thông qua và cam kết thực hiện các quy định của bản Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được sửa đổi phù hợp với các quy định mới của Pháp luật, gồm các điều khoản sau :

Chương I **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- e) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) “Công ty” là Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- g) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 24/03/1999;
- h) “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán :
 - ✓ Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
 - ✓ Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
 - ✓ Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - ✓ Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;



- ✓ Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - ✓ Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - k) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
 - l) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
 - n) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty

Tên Việt Nam : CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Tên tiếng Anh : INTERNATIONAL LABOUR AND SERVICES STOCK COMPANY

Tên giao dịch : INLACO HAIPHONG

Tên viết tắt : INLACO – HP



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam và được thành lập từ việc cổ phần hóa 100% Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài – doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : Số 4 Nguyễn Trãi - quận Ngô Quyền – TP.Hải Phòng

Điện thoại : (0225)3826867/3826348/3550996/3827930

Fax : (0225)3826838

[E-mail] : inlaco hp@inlaco hp.com.vn

Webside : inlaco hp.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 30 năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3 : Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật :

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

b) Nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ theo quy định



Chương III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4 : Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	7830 (chính)
02	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới việc làm	7810
03	Cung ứng lao động tạm thời	7820
05	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo và huấn luyện thuyền viên; Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho người lao động để cung ứng lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	8559
06	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
07	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
08	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển vận tải viễn dương và vận tải đường thủy nội địa</i>	5222
09	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt thép, bán buôn kim loại khác (trừ bán buôn vàng miếng)</i>	4662
13	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315



2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là :

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn góp có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh các lĩnh vực về hàng hải, dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Chương IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là : 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) và hiện nay là : 61.003.910.000 đồng (Sáu mươi một tỷ không trăm lẻ ba triệu và chín trăm mười nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.100.391 cổ phần với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [I] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp



Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7 : Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu khi chưa được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ phiếu Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.



Chương V **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 10 : Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp ,bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

Chương VI **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 11 : Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12 : Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.



3. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiễn hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13 : Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số

- lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14 : Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;



- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng



giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15 : Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16 : Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi

loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17 : Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng

phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết .

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, các vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội và ô biểu quyết tương ứng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, biểu quyết bằng cách tích dấu “x” vào các ô biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”, sau đó nộp cho Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu kết quả biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó chủ tịch/ hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.

Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người làm chủ tọa theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị

quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20 : Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22 : Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23 : Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn ứng cử viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
2. Hồ sơ ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 30 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách ứng cử viên.
3. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và

vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, số cổ phần sở hữu của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có)
- h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.;

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty :

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp ;
- b) Có trình độ chuyên môn tối thiểu là kỹ sư hoặc cử nhân, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty;
- c) Không nhất là cổ đông của công ty;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, và người quản lý khác của công ty.

Điều 25 : Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là [07] người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26 : Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27 :Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, được trả thêm thù lao dưới dạng tiền lương theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29 : Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 5 thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30 : Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm

thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31 : Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC
VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.



Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33 : Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



- j) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- k) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- l) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- m) Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- n) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- o) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- p) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- q) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 35 : Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được



giao;

- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36 : Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37 : Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp nhận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;



d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38 : Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39 : Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công



tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40 : Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41 : Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản

lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [10%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [10%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [10%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43 : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên

quan trọng các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44 : Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.



Chương XII

CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45 : Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46 : Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 47 : Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp công ty đầu tư góp vốn và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.



Điều 48 : Quan hệ giữa Công ty với công ty con

Công ty thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua Người đại diện của mình là các thành viên Hội đồng quản trị hoặc tại Đại hội đồng cổ đông đối với cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ, ngành nghề kinh của doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh và phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật khác có liên quan.

Điều 49 : Quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết

1. Công ty có quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với công ty liên kết theo Điều lệ của công ty liên kết đó hoặc theo hợp đồng góp vốn và theo các quy định có liên quan của Pháp luật.
3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.
4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

**Chương XIV
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 50 : Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Đối với các cổ phiếu chưa lưu ký, cổ tức được thanh toán trực tiếp tại công ty.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.



Điều 51 : Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận sau thuế) được phân phối như sau :
 - a) Bù các khoản không được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập;
 - b) Bù các khoản lỗ (nếu có) của năm trước.
2. Lợi nhuận sau thuế còn lại, sau khi đã trừ các khoản của khoản 1 Điều này được phân phối theo thứ tự dưới đây :
 - a) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ;
 - b) Chia lãi cổ phần (cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Đối với quỹ khen thưởng, phúc lợi , tùy theo kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích cụ thể và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Chương XV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 52 : Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 53 : Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999.

Điều 54 : Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Chương XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 55: Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 56 : Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57 : Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVIII CON DẤU

Điều 58 : Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

Chương XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 59 : Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 60 : Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 61 : Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03



thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62 : Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng [30 ngày] làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 12 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên



chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 63 : Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64 : Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 64 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./.



Phụ lục I

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
(Tại thời điểm sửa đổi Điều lệ)

TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	
1	Thái Tuấn Anh	4.201	0,07	
2	Vũ Hồng Bằng	15.459	0,25	CBCNV Cty nghỉ hưu
3	Nguyễn Công Bằng	5.280	0,09	
4	Nguyễn Văn Biên	52.767	0,87	Thành viên HĐQT Phó giám đốc Cty
5	Mai Thanh Bình	39.307	0,65	Nguyên TV HĐQT
6	Nguyễn Quốc Chiến	10.515	0,17	Phó phòng
7	Vũ Văn Cương	5.406	0,09	
8	Lê Vũ Cường	3.228	0,05	Thành viên BKS
9	Phan Văn Cường	6.709	0,11	
10	Nguyễn Bá Dân	1.483	0,02	
11	Vũ Đức Diệp	1.320	0,02	
12	Lê Thành Đạt	912	0,02	
13	Vũ Đình Đối	11.415	0,19	
14	Nguyễn Tiến Đông	37.275	0,61	CBCNV Cty nghỉ hưu
15	Tô Đức Dụ	777	0,01	Máy trưởng
16	Đình Công Đức	75	-	
17	Nguyễn Minh Dũng	1.995	0,03	Thuyền trưởng
18	Nguyễn Hữu Dương	328	0,01	CBCNV Cty nghỉ hưu
19	Nguyễn Văn Giản	25.575	0,42	CBCNV Cty nghỉ hưu
20	Hoàng Lê Hà	9.333	0,15	
21	Lê Trung Hà	202.108	3,36	Chủ tịch HĐQT
22	Nguyễn Bá Hải	6.306	0,10	Thành viên HĐQT
23	Nguyễn Minh Hải	11.602	0,19	
24	Nguyễn Sơn Hải	51.957	0,85	
25	Phạm Hồng Hải	5.196	0,09	Phó giám đốc Cty
26	Phạm Hữu Hải	7.503	0,12	
27	Đoàn Hồng Hạnh	5.250	0,09	CBCNV Cty nghỉ hưu



TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	
28	Bùi Đức Hậu	7.650	0,13	
29	Phạm Hải Hiệp	7.683	0,13	
30	Nguyễn Xuân Hò	123.600	2,03	Nguyên CT HĐQT
31	Nguyễn Quang Hòa	219.670	3,61	
32	Nguyễn Đức Hòa	5.956	0,10	
33	Lương Thu Hoài	73.083	1,20	Thành viên BKS
34	Nguyễn Thị Hồng	22.006	0,36	
35	Phạm Mạnh Hùng	1.825	0,03	
36	Trần Minh Hùng	2.629	0,04	
37	Phạm Quang Hưng	6.825	0,11	
38	Trần Ngọc Hưng	2.629	0,04	
39	Tô Văn Hưng	1.131	0,02	
40	Đỗ Văn Huynh	15.054	0,25	CBCNV Cty nghỉ hưu
41	Nguyễn Văn Khang	4.425	0,07	Trưởng phòng Cty
42	Nguyễn Quang Khanh	1.111	0,02	
43	Nguyễn Quốc Khánh	1.306	0,02	
44	Nguyễn Xuân Khiêu	3.255	0,05	
45	Lê Phan Linh	30.729	0,51	
46	Trần Quý Lợi	3.007	0,05	CBCNV Cty nghỉ hưu
47	Lương Thế Long	6.753	0,11	
48	Vũ Quang Long	46.509	0,77	
49	Bùi Hiền Lương	126	-	CBCNV Cty nghỉ hưu
50	Hà Minh Lý	4.609	0,08	
51	Vũ Đức Mạnh	4.683	0,08	CBCNV Cty nghỉ hưu
52	Nguyễn Văn Mễ	25.335	0,42	
53	Phạm Công Nghinh	52	-	
54	Quách Thị Thanh Nhân	30.604	0,50	
55	Nguyễn Ngọc Oánh	73	-	
56	Phạm Văn Quang	4.954	0,08	CBCNV Cty nghỉ hưu
57	Vũ Trung Quyên	129	-	
58	Đào Viết Riễn	400	0,01	CBCNV Cty nghỉ hưu
59	Nguyễn Huy Sáu	2.058	0,03	



TT	Họ tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu		Ghi chú
		Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)	
60	Trần Ngọc Sinh	23.758	0,39	CBCNV Cty nghỉ hưu
61	Vũ Ngọc Sinh	65.505	1,08	Thành viên HĐQT
62	Hoàng Linh Sơn	107.550	1,77	Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty
63	Nguyễn Văn Sơn	484	0,01	
64	Vũ Đình Thành	7.710	0,13	
65	Trần Văn Thịnh	127	-	CBCNV Cty nghỉ hưu
66	Phạm Văn Thủy	505	0,01	
67	Đinh Việt Tiến	11.175	0,18	CBCNV Cty nghỉ hưu
68	Lê Kế Toán	16.228	0,27	
69	Dương Xuân Toàn	2.205	0,04	
70	Nguyễn Văn Toàn	106	-	
71	Thái Hữu Trung	6.501	0,11	
72	Phạm Sĩ Tú	24.600	0,40	Phó chủ tịch HĐQT
73	Bùi Xuân Tuấn	463	0,01	
74	Nguyễn Anh Tuấn	1.351	0,02	
75	Nguyễn Đăng Tuấn	1.855	0,03	
76	Nguyễn Thị Tuyết	74.130	1,22	CBCNV Cty nghỉ hưu
77	Nguyễn Xuân Vinh	81	-	
78	Nguyễn Xuân Vùng	44.101	0,73	CBCNV Cty nghỉ hưu
Tổng số		1.573.576	25,89%	



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành theo Quyết định số :QĐ/HĐQT – ILC ngày / /2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài)*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1	Ý nghĩa - phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
Điều 2	Nguyên tắc quản trị công ty.....	6
Điều 3	Giải thích thuật ngữ	7
Chương II	CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	8
Điều 4	Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 5	Đại hội đồng cổ đông	8
Mục I	Họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6	Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 7	Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	10
Điều 8	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 9	Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 10	Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 11	Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 12	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 13	Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 14	Biểu quyết thông qua các vấn đề của đại hội.....	13
Điều 15	Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 16	Cách thức bỏ phiếu bầu cử	14
Điều 17	Kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu	15
Điều 18	Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua	16
Điều 19	Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ	17
Điều 20	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21	Công bố Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ	18
Mục II	Trình tự họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 22	Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	18
Điều 23	Trình tự, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản.....	19
Mục III	Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	21
Điều 24	Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ trực tuyến.....	21
Điều 25	Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.....	21



Điều 26	Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	22
Điều 27	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến	22
Điều 28	Điều kiện tiến hành	23
Điều 29	Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến.....	23
Điều 30	Hình thức thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến.....	24
Điều 31	Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	24
Điều 32	Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	26
Điều 33	Thông báo kết quả kiểm phiếu	26
Điều 34	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 35	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	26
Mục IV	Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến kết hợp với trực tiếp	27
Điều 36	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 37	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội	27
Điều 38	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ	28
Điều 39	Điều kiện tiến hành	28
Điều 40	Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	28
Điều 41	Cách thức bỏ phiếu	29
Điều 42	Cách thức kiểm phiếu	29
Điều 43	Thông báo kết quả kiểm phiếu	29
Điều 44	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 45	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	29
Chương III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	30
Điều 46	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 47	Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 48	Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 49	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 50	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 51	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	33
Điều 52	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 53	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT	34
Điều 54	Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	34
Điều 55	Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	34
Điều 56	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 57	Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	37



Chương IV	BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN	38
Điều 58	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	38
Điều 59	Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.	39
Chương V	BAN ĐIỀU HÀNH	40
Điều 60	Ban điều hành công ty	40
Điều 61	Các tiêu chuẩn của Người điều hành công ty	40
Điều 62	Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành	40
Điều 63	Giám đốc	41
Chương VI	PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC	44
Điều 64	Nguyên tắc phối hợp	44
Điều 65	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc	44
Điều 66	Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát và Giám đốc công ty	45
Điều 67	Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	45
Điều 68	Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao	45
Điều 69	Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo. Cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và Ban kiểm soát	46
Điều 70	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	47
Chương VII	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT. KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	48
Điều 71	Phương thức đánh giá	48
Điều 72	Tiêu chí đánh giá	49
Điều 73	Xếp loại đánh giá	49
Điều 74	Khen thưởng và kỷ luật	49
Chương VIII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	50
Điều 75	Hiệu lực thi hành	50



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm các nội dung sau



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa - phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.
4. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về:
 - a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và
 - d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
5. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

Việc quản trị công ty đối với Công ty phải tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau đây:

1. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
2. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
3. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;



4. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;

5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;

6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

b. “Công ty” là Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

c. “Điều lệ công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua và chấp thuận ban hành;

d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

e. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

f. “Ban điều hành” bao gồm : Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

g. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;

h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019;

i. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

j. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị dduwwocj quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.:

- a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban



- kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;



- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 1

HỢP ĐỒNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỢP ĐỒNG

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:* Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp ;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản b và c Điều 13 Điều lệ công ty.

Điều 7. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
2. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu do Trung tâm Lưu ký chứng khoán lập và gửi Công ty.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp:

a) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d) Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty có đóng dấu treo và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông :



a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó.

b) Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn có quyền đăng ký, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết những vấn đề còn lại tại đại hội.

c) Trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp thì có thể ủy quyền theo qui định tại Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền của cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình giấy ủy quyền và bản gốc của Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu khi đăng ký tham dự họp.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2, Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

➤ Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này.

Nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu thực hiện quyền biểu quyết của mình theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Tổ chức.

➤ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

➤ Phiếu bầu cử hợp lệ: Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

a) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

c) Trong một số trường hợp Đại hội sẽ dùng hình thức biểu quyết tại chỗ nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

a/ Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình thông qua “Phiếu biểu quyết” bằng hình thức đánh dấu (X) vào các ô tương ứng “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” và nộp cho Ban kiểm phiếu do Đại hội bầu ra.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

a) Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;



b) Cổ đông/ người đại diện cổ đông tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

c) Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

d) Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể theo Quy chế bầu cử được công khai và thông qua tại Đại hội.

2. Nguyên tắc trúng cử:

a) Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

b) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

c) Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu.

2. Ban kiểm phiếu thu phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử và tiến hành kiểm phiếu, sau khi có kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung cần Đại hội biểu quyết thông qua,

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu : Khi có kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu có đủ chữ ký của các thành viên.

a) Đối với phiếu biểu quyết : Trưởng ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu nêu rõ số phiếu phát ra/ số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ với tổng số cổ phần tương ứng ,tỷ lệ tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến (bỏ phiếu trắng) đối với từng vấn đề Đại hội đã biểu quyết và nộp lại biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa Đại hội.

b) Đối với phiếu bầu cử : Trưởng ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu riêng, nêu rõ số phiếu phát ra/ số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ với tổng số cổ phần tương ứng và tổng số phiếu cho từng ứng cử viên đã được bầu theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp. Biên bản được Trưởng ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết/ và danh sách các ứng cử viên đã trúng cử Hội đồng quản trị/ban kiểm soát được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đối với các điều được đại hội đồng cổ đông qua thông qua bằng phiếu biểu quyết.

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;
- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu bầu cử :

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực, hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định

5. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông : Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c) Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị



quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty..

3. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty đại chúng.

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty;

4. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

- a) Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- c) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- d) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- e) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- f) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- h) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).
3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến Công ty theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc Đại hội.
2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:
 - 3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại,

địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức

3.3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Đoàn chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;



- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

- a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết;
- b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;
- c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.
- d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

- a) Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự nhưng không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.

- b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó và không tính vào tỷ lệ kiểm phiếu.
- c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- d) Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.
- e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu liên tục các giờ trong ngày trong thời gian quy định được bỏ phiếu trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.
- f) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

- a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;
- b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;
- c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;
- d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả



biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;
- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Ban Chủ tọa điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán và quy định về công bố thông tin của Công ty đại chúng.

MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty hợp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*).

➤ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
- b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không



có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến : Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến Công ty bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.



Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.
4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
2. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 46 Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:



- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là (07) người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có



quyền biểu quyết được đề cử tối đa (01) một ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử (03) ba ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử (04) bốn ứng cử viên và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên tối thiểu theo quy định; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ ứng cử viên phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 30 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách ứng cử viên.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị, thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Nguyên tắc trúng cử :

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

b) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử .

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 của Điều 47 Quy chế này;
- b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:



a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, từ trường hợp bất khả kháng;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);
- f) Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông, số cổ phần sở hữu của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có)
- h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.;



Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty.
5. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b Khoản 2 của Điều 47 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
6. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 55. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu : Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.



2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường : Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát : Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị : Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 5 thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết : Một thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết, có thể áp dụng một số cách thức biểu quyết sau :

- Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết);
- Tham dự và biểu quyết thông qua trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị :

a) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số trên 50% thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.



9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị :

a) Nội dung phiên họp Hội đồng quản trị được Thư ký công ty ghi trong sổ Nghị quyết họp Hội đồng quản trị của Công ty, với các nội dung cơ bản sau :

- Thời gian, địa điểm họp
- Họ tên thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do vắng mặt;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết, ghi rõ thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng với các nội dung được quy định tại điểm a khoản 9 Điều này. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ngoài việc lưu chuyên trong nội bộ công ty để triển khai thực hiện, còn phải được công bố thông tin theo quy định đối với các công ty đại chúng.

Điều 56. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

Điều 57. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

- a) Có trình độ chuyên môn tối thiểu là kỹ sư hoặc cử nhân, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và có hiểu biết về luật pháp;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty i được thực hiện theo quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty :

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV **BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Điều 58. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò của Ban kiểm soát là kiểm tra, giám sát các hoạt động của cả Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để các hoạt động của công ty được minh bạch vì lợi ích của các cổ đông và công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

e) Trường hợp phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

- c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d) Trường hợp vi phạm quy định về trách nhiệm của kiểm soát viên mà gây thiệt hại cho ông ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
- e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 59. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Các thành viên Ban kiểm soát bầu 1 người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát
- 2. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
 - e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện tương tự như Điều 48 của Quy chế này quy định đối với đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát : Đại hội đồng cổ đông bầu Kiểm soát viên theo hình thức bỏ phiếu kín, bằng phương pháp bầu dồn phiếu.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;



- Có đơn từ chức và được chấp nhận:

b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 41 – Điều lệ công ty .

Chương V BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 60. Ban điều hành công ty

Ban điều hành công ty gồm Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng

Điều 61. Các tiêu chuẩn của người điều hành công ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Phó giám đốc

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b) Là người có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt công việc được giao và
- c) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

- a) Phải có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành các chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và quy định của công ty;
- b) Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác ít nhất trong nghề kế toán là hai (02) năm và có chứng chỉ kế toán trưởng và

Điều 62. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm thành viên Ban điều hành

- a) Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm Giám đốc công ty với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
- b) Hội đồng quản trị lựa chọn và bổ nhiệm các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các chi nhánh theo đề xuất của Giám đốc và đánh giá của Tiểu ban nhân sự của HĐQT (nếu có).

c) Giám đốc lựa chọn và bổ nhiệm Người điều hành khác sau khi đã được Hội đồng quản trị công ty đồng ý.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

a) Cấp nào có thẩm quyền bổ nhiệm thì cấp đó có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm và điều chuyển đối với vị trí đó.

b) Thành viên Ban điều hành có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

- Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của công ty và quy định của luật pháp;

- Có đơn xin từ chức bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm;

- Hết thời hạn bổ nhiệm mà công ty không gia hạn hoặc tái bổ nhiệm;

- Vi phạm kỷ luật lao động ở mức có thể áp dụng hình thức kỷ luật cách chức hoặc sa thải theo quy định của quy định của pháp luật lao động hoặc

- Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị (hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm) xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Hội đồng quản trị (hoặc Giám đốc nếu vị trí đó do Giám đốc bổ nhiệm) có quyền điều chuyển thành viên Ban điều hành/ Người điều hành sang một vị trí công việc khác phù hợp hơn với trình độ chuyên môn, năng lực và sở trường của thành viên đó cũng như tình hình thực tế của công ty, dù ở cấp tương đương hay ở cấp thấp hơn, với điều kiện là việc điều chuyển này không trái với quy định của Hợp đồng lao động và pháp luật lao động.

3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều chuyển thành viên Ban điều hành.

a) Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều chuyển thành viên Ban điều hành sẽ được thông báo cho thành viên trực đó bằng cách tiếp quyết định cho người đó và thông báo cho toàn thể cho tập thể người lao động trong công ty.

b) Các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

a) Vai trò, trách nhiệm của Giám đốc : Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;



- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc



- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty. Kiểm soát viên của công ty;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
- Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của công ty từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

- Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Giám đốc công ty. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc công ty trong các trường hợp sau đây :

- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;
- Để công ty thua lỗ trong (02) năm liên tiếp hoặc (02) năm không đạt hoàn thành được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và việc giải trình việc không thực hiện được không được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp nhận;
- Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng lao động hoặc vi phạm Điều lệ, các quy chế của công ty;
- Do sức khỏe không đảm bảo tiếp tục công việc và
- Khi xét thấy vì lợi ích của công ty.

e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc được thông báo trong nội bộ công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy

định của pháp luật đối với công ty đại chúng và Điều lệ công ty.

f) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

- Giám đốc công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả kinh doanh

- Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 64. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển công ty theo các nguyên tắc sau :

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty; không sử dụng những thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ, và các Quy chế của Công ty;
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi thông tin để cùng nhau giải quyết tháo gỡ khó khăn (nếu có).
4. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình việc đó khi có yêu cầu.

Điều 65. Thủ tục , trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty.

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và thông báo kết quả họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT và được mời dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thời gian gửi giấy mời dự họp theo quy định của Khoản 6 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc người quản lý khác (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Giám đốc chủ trì, có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 66. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát và Giám đốc công ty.

Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT trong vòng 24 giờ kể từ khi xác lập.

Điều 67. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT để đưa ra quyết định.

Việc yêu cầu triệu tập họp HĐQT trong trường hợp này được thực hiện theo các Khoản 3,4 và 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a) Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Giám đốc quản lý theo quy định tại Điểm e, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty.
- Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điểm h, Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.
- Đề xuất của Ban kiểm soát về việc chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần phải tham gia ý kiến.

b) Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT, HĐQT phải có ý kiến trả lời trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 68. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc Công ty thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điểm m, Khoản 4 Điều 34, Điều lệ Công ty về việc trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

1. Trong quá trình thực hiện, định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm Giám đốc Công ty gửi HĐQT báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong kỳ; kế hoạch phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty và báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (nếu có).



2. Hàng tháng, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm báo cáo nhanh HĐQT về tình hình hoạt động của công ty để có cơ sở cho các thành viên HĐQT kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

3. Ngoài việc báo cáo định kỳ HĐQT được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Giám đốc công ty phải báo cáo HĐQT :

- a. Kết quả thực hiện các công việc đột xuất liên quan đến lợi ích của công ty mà HĐQT đã chỉ đạo thực hiện trong kỳ;
- b. Các công việc xảy ra liên quan đến lợi ích của công ty, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc công ty (nếu có).

Điều 69. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể :

a) Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

b) Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, sự cố....) và phải báo cáo lại HĐQT trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định.

c) Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với Giám đốc hoặc những người có liên quan tới Giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp thông tin cho HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 159 và Điều 171 Luật Doanh nghiệp :

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 70. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

a) HĐQT tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao

b) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông công ty.

c) Chủ tịch/ Phó chủ tịch HĐQT có thể tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì.

d) Tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì có thể mời Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT), Phó giám đốc, hoặc cán bộ quản lý khác có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).

e) Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ trong thời gian ngắn nhất.

f) Định kỳ theo quy định, Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT cùng với các kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý trực tiếp cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Phối hợp giữa HĐQT và Ban kiểm soát

a) HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;



đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

b) Chủ tịch HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của ban kiểm soát.

c) Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

d) HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc và Người quản lý khác trong Công ty :

a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban giám đốc hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự cuộc họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể đóng góp ý kiến. Sau họp Giám đốc sẽ gửi cho Ban kiểm soát biên bản cuộc họp này.

b) Giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của ban kiểm soát, theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

c) Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

d) Các văn bản báo cáo của Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 71. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác.

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác được thực hiện theo quy định của công ty và theo một, một vài hoặc tất cả các phương thức sau :

- a. Tự nhận xét đánh giá;
- b. Đánh giá hoạt động theo định kỳ 6 tháng, (01) năm;
- c. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất hoặc

- d. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. Giám đốc công ty sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của tất cả các chức danh khác do Giám đốc bổ nhiệm

Điều 72. Tiêu chí đánh giá

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác, bao gồm :

1. Kết quả thực hiện công việc được giao bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị mình được giao phụ trách.
2. Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, việc tuân thủ và chấp hành các quy định, quy chế, Điều lệ công ty và pháp luật.
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhận.
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc thực hành tiết kiệm, chống quan liêu lãng phí.
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 73. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác được phân loại :

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các văn bản đánh giá hoạt động thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác phải được lưu giữ tại công ty.

Điều 74. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng :
 - a. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác có thành tích trong công việc quản trị, điều hành công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét khen thưởng .
 - b. Các hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế của công ty tại từng thời điểm.
2. Kỷ luật :
 - a. Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm các quy định của công ty, quy định của pháp luật thì tùy tính chất mức



- độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.
- b. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm.
 - c. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo các quy định của công ty và quy định của pháp luật

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài gồm 8 chương 31 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Lê Trung Hà



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành theo Quyết định số :QĐ/HĐQT – ILC ngày / /2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài)*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021



Mục lục
**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**

Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2	Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	5
Chương II	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 3	Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	5
Điều 4	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	6
Điều 5	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 6	Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 7	Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	8
Điều 8	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	9
Điều 9	Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	9
Điều 10	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Chương III	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 11	Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị	11
Điều 12	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 13	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng kinh tế	13
Điều 14	Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	13
Điều 15	Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	14
Chương IV	CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 16	Cuộc họp Hội đồng quản trị	14
Điều 17	Biên bản họp Hội đồng quản trị	16



Chương V	THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 18	Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng quản trị	17
Điều 19	Chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng quản trị	17
Chương VI	BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17
Điều 20	Trình báo cáo hằng năm	17
Điều 21	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	18
Điều 22	Công khai các lợi ích liên quan	18
Chương VII	MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 23	Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 24	Điều 25. Mối quan hệ với Ban điều hành	20
Điều 25	Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	20
Chương VIII	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 26	Hiệu lực thi hành	20



**CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**



**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày tháng năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số.....NQ/ĐHĐCĐ ngày..... tháng năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm các nội dung sau:



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, Bộ máy tham mưu, giúp việc của Công ty, các chi nhánh, Công ty thành viên của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật; chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.
3. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.
4. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản lý và kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 26 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của công ty.
5. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao



nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;

c) Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian thoả đáng để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.

d) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi yêu cầu.

e) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

f) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

g) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Khi công ty trở thành công ty niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có (07) thành viên, trong đó có một (01) Chủ tịch và một (01) Phó chủ tịch.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản



trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Trường hợp Công ty thực hiện niêm yết cổ phiếu, số lượng, quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với các quy định tại pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.



Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh quản lý trong Ban điều hành của Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT
 - a) Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT và làm chủ tọa cuộc họp khi được Chủ tịch HĐQT phân công;
 - b) Ký các thông báo, biên bản, nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT khi thực hiện thay công việc của Chủ tịch HĐQT hoặc theo phân công của HĐQT;
 - c) Đầu mối phụ trách một số công việc cụ thể của HĐQT theo phân công của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về những việc được phân công;
 - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thay để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp Chủ tịch/Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
7. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.



Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trong trường hợp Công ty niêm yết cổ phiếu, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Việc ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24, Điều lệ công ty.



2. Hồ sơ ứng cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức Đại hội 15 ngày để Ban tổ chức có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách bầu cử cũng như chuẩn bị trước công tác kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử tại đại hội.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế Ứng cử - đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tổ chức bộ máy của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị công ty gồm (07) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu, trong đó có: Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT, Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.
3. Hội đồng quản trị cử ra Thường trực Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp Hội đồng quản trị trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp Hội đồng quản trị, đồng thời để xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền của Giám đốc trong điều hành hoạt động của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực HĐQT do Hội đồng quản trị quy định.
4. Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhận chức danh “Giám đốc Tài chính” công ty, các thành viên còn lại phụ trách một số lĩnh vực theo sự phân công của HĐQT, và phải báo cáo trước HĐQT về kết quả công việc đã được phân công.
5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động công ty.
7. Giúp việc cho HĐQT là Thư kí công ty. Chức năng, nhiệm vụ của Thư kí công ty được quy định tại Khoản 7, Điều 7 của Quy chế này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán



của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành khi thấy cần thiết.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại



cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường



Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của



Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu cần).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ (05) thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có từ (04) thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp



trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa phiên họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Biên bản cuộc họp được Thư ký công ty ghi trong “Sổ Nghị quyết HĐQT”, nội dung ghi :

- a) Thời gian, địa điểm họp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và các thành viên tham gia dự họp

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.



3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị có thể được sao lục, nội dung của Biên bản được sao lục, gồm có các nội dung được quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, và g khoản 1 Điều này và thêm nội dung : tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và được Chủ tọa và Thư ký ký tên.
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Thường trực Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty cử ra Thường trực HĐQT.
2. Thường trực HĐQT công ty gồm : Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên HĐQT-Giám đốc Tài chính và các thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm chức danh quản lý ở Công ty

Điều 19. Chức năng, nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp HĐQT trong việc theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ giữa 2 kỳ họp HĐQT, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền được giao/phân cấp/ủy quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty giữa hai kỳ họp HĐQT.
2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thường trực Hội đồng quản trị được quyền ra quyết định và sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị tình hình, kết quả thực hiện các quyết định của Thường trực HĐQT tại các cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Thường trực HĐQT được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác, có trách nhiệm thu thập thông tin từ các đơn vị chuyên môn báo cáo tại cuộc họp để Thường trực HĐQT ra quyết định.
4. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT quy định từng thời kỳ.

Chương VI

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:



- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:



1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.



Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, bao gồm (07) chương, (26) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Trung Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /TTr-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v : Phê duyệt Quy chế hoạt động Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài**

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày tháng năm 2021;
- Căn cứ mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như tài liệu kèm theo.

Những nội dung cơ bản của Quy chế :

Dự thảo quy chế gồm 7 chương và 22 điều. Những nội dung cơ bản của dự thảo Quy chế gồm :

1. Chương I : Quy định chung (gồm 2 điều)

Nội dung của chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Quy chế và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Chương II : Thành viên Ban kiểm soát

Nội dung của chương này gồm 8 điều (từ Điều 3 đến Điều 10), quy định các nội dung liên quan đến các thành viên của Ban kiểm soát. Chi tiết như sau :

- a) Điều 3 : Quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên BKS
- b) Điều 4 : Quy định về nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát
- c) Điều 5 : Quy định về tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát
- d) Điều 6 : Quy định về Trưởng Ban kiểm soát
- e) Điều 7 : Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
- f) Điều 8 : Quy định về cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.
- g) Điều 9 : Quy định các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS
- h) Điều 10 : Quy định thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên

3. Chương III : Ban kiểm soát

Nội dung chương này gồm 3 điều (từ điều 11 đến điều 13) quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, trong đó với tính chất quan trọng đặc biệt, quyền được cung cấp thông tin của các thành viên Ban kiểm soát được tách ra thành một điều riêng (Điều 12)

4. Chương IV : Cuộc họp của Ban kiểm soát

Nội dung của chương này gồm 2 điều (Điều 14 và Điều 15) quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát cũng như việc ghi chép biên bản họp Ban kiểm soát.

5. Chương V : Báo cáo và công khai lợi ích

Nội dung của chương này gồm 3 điều (từ Điều 16 đến Điều 18), trong đó :

- a) Điều 16 : Quy định các nội dung cần phải báo cáo hoặc kiến nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.
- b) Điều 17 : Quy định về tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.



c) Điều 18 : Quy định về việc công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định của pháp luật.

6. Chương VI : Mỗi quan hệ của Ban kiểm soát

Nội dung chương này gồm 3 điều (từ Điều 19 đến Điều 21) , quy định về mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát (Điều 19), mối quan hệ của Ban kiểm soát với Ban điều hành (Điều 20) và mối quan hệ của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị (Điều 21)

7. Chương VII : Điều khoản thi hành

Chương này có 1 điều (Điều 22), quy định hiệu lực thi hành của Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Tài liệu gửi kèm theo : Dự thảo Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Ủy quyền cho Trưởng ban kiểm soát thực hiện việc rà soát, sửa đổi bổ sung nội dung dự thảo Quy chế theo ý kiến đóng góp của các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội và ký quyết định ban hành Quy chế.

Trân trọng kính trình./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT
- Lưu BKS, HC

NGUYỄN THỊ THU'



Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành theo Quyết định số :QĐ/BKS – ILC ngày / /2021
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài)*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2 Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	4
Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 3 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên BKS	4
Điều 4 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 5 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 6 Trưởng Ban kiểm soát	6
Điều 7 Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 8 Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	6
Điều 9 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	7
Điều 10 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	7
Chương III BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 11 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 12 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 13 Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 14 Cuộc họp của Ban kiểm soát	11
Điều 15 Biên bản họp Ban kiểm soát	11
Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	11
Điều 16 Trình báo cáo hàng năm	11
Điều 17 Tiền lương và quyền lợi khác	12
Điều 18 Công khai các lợi ích liên quan	13
Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	13
Điều 19 Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 20 Mối quan hệ với Ban điều hành	14
Điều 21 Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	14
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 22 Hiệu lực thi hành	14



**CÔNG TY CỔ PHẦN
HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI**



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số... /NĐ-DHĐCĐ ngày.... tháng..... năm 2021

Ban kiểm soát công ty ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công



ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định :

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định, Trưởng ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- a) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;
- b) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- c) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên ban kiểm soát theo quy chế của Ban kiểm soát;
- d) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung của ban kiểm soát;
- e) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật;
- f) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- g) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được



xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;



- d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.



Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh

ngành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên



theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp



Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.



Điều 20. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài bao gồm (07) chương], (22) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN
Hợp tác Lao động với NN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : *NQ/ĐHĐCD-ILC*

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXII CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXII CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XXII, ngày tháng năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 : Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 (*Có báo cáo kèm theo*).

Điều 2 :

1. Phê duyệt Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, với một số chỉ tiêu đã thực hiện như sau :

Đơn vị : 1000đ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh TH 2020 với (%)	
					TH 2019	KH 2020
1	Doanh thu	133.083.470	95.000.000	113.953.080	85,63	119,95
a	- Vận tải	45.443.059	3.000.000	3.194.845	7,03	106,49
b	- Dịch vụ HH	1.712.136	700.000	1.550.230	90,54	221,46
c	- Cho thuê LD	85.383.192	90.900.000	108.755.388	127,37	119,64



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ XXII - 2021

	+ Trong nước	13.235.431	10.800.000	22.107.215	167,03	204,70
	+ Nước ngoài	72.147.761	80.100.000	86.648.173	120,10	108,17
d	- Cho thuê VP	545.082	400.000	452.616	83,04	113,15
2	LN trước thuế	2.863.742	Cân bằng	9.237.499	332,57	
	- Lợi nhuận từ KD	2.563.752	thu chi	4.697.900	183,24	
	- Lợi nhuận khác	299.990		4.539.599		

2. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

2.1) Kế hoạch kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % so với TH 2020
1	Doanh thu SXKD	113.953.079.876	135.000.000.000	118,47%
a	- Vận tải	3.194.845.325	-	
b	- Dịch vụ hàng hải	1.550.230.323	3.000.000.000	193,52%
c	- Cho thuê lao động	108.755.388.633	131.500.000.000	120,91%
	+ Trong nước	22.107.215.114	42.000.000.000	
	+ Nước ngoài	86.648.173.519	89.500.000.000	
d	- Cho thuê VP	452.615.595	500.000.000	110,47%
2	Lợi nhuận trước thuế	9.237.499.251	9.500.000.000	102,84%
	- Lợi nhuận từ SXKD	4.697.899.769	9.500.000.000	202,22%
	- Lợi nhuận khác	4.539.599.482		

2.2) Chi phí tiền lương năm 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ % so với TH 2020
Đơn giá tiền lương (%/ DT)	6,73%	6,00%	89,15%
Trong đó : - Thù lao HĐQT, BKS	0,50%	0,50%	100%

Điều 3 : Chấp thuận tờ trình của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA thực hiện việc soát xét/kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 của Công ty.

Điều 4 :

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC và các quy định khác có liên quan (như đã trình bày tại Đại hội).

2. Đăng ký lại các ngành nghề kinh doanh của Công ty với cơ quan Đăng ký kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	7830 (chính)
02	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới việc làm	7810
03	Cung ứng lao động tạm thời	7820
05	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo và huấn luyện thuyền viên; Đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho người lao động để cung ứng lao động trong nước và đi làm việc ở nước ngoài.</i>	8559
06	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
07	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
08	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy <i>Chi tiết : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển vận tải viễn dương và vận tải đường thủy nội địa</i>	5222
09	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt thép, bán buôn</i>	4662



	<i>kim loại khác (trừ bán buôn vàng miếng)</i>	
13	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

3. Giao Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết, ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung sửa đổi nêu trên.

Điều 5 :

1. Thông qua Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát và Giao Ban kiểm soát thực hiện các thủ tục cần thiết, ban hành Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát với các nội dung như đã được Đại hội nhất trí thông qua.

Điều 6 : Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2021. Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa

Nơi nhận :

- Như điều 6.
- UBCKNN, HNX
- Lưu HĐQT, HC